

**Phụ lục IV. Thông tin về các Khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh**  
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m3/ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m3/ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/ năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
1	KCN Khánh Phú	phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	243,68/243,68	Công ty PTHT KCN (Nay là Trung tâm quản lý, phát triển hạ tầng KKT và các KCN)	41	91	có	6680	12,000	Lưu lượng, TSS, COD, Tổng Nito, PH, nhiệt độ	5,695.14	75,472,477.00	1,771,090.04	Hồ sự cố	10
2	KCN Phúc Sơn	phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	107,34/129,4	Công ty CP Tổng công ty đầu tư phát triển KCN Phúc Lộc	14	93	có	537	1,200	Lưu lượng, TSS, COD, Tổng Nito, PH, nhiệt độ	891.31	1,566,884.00	1,268,331.00	Hồ sự cố	10
3	KCN Khánh Cư	phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	29/55,28	Công ty TNHH MTV Sông Đáy (đã giải thể)	1	56	có	32	50	-	23.67	60,842,505.00	118.00	-	10
4	KCN Giản Khẩu	xã Gia trấn, xã Gia Văn, tỉnh Ninh Bình	210,6/243,68	Công ty PTHT KCN (Nay là Trung tâm quản lý, phát triển hạ tầng KKT và các KCN)	25	90	có	1317	4,000	Lưu lượng, TSS, COD, Tổng Nito, PH, nhiệt độ	2,765.58	36,683,138.81	1,629,469.00	Hồ sự cố	25
5	KCN Tam Điệp I	phường Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	66,38/66,38	Công ty PTHT KCN (Nay là Trung tâm quản lý, phát triển hạ tầng KKT và các KCN)	17	100	có	448	-	-	799.46	25,384,571.00	565,002.00	-	-
6	KCN Hòa Xá	Phường Thành Nam, phường Đông A	285.37	Trung tâm Phát triển hạ tầng và tư vấn đầu tư KCN	143	100%	Có	3000	4500	pH, nhiệt độ, TSS, COD, NH4+, Flow in, Flow out	3,960	7,500,000	6,100,000	Có	10.06
7	KCN Bảo Minh	Phường Trường Thi, xã Liên Minh, xã Vụ Bản	148.52	Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh	15	96,41%	Có	18000	7000	pH, nhiệt độ, TSS, COD, NH4+, màu, DO, Flow in, Flow out	1,860	1,800,000	4,600,000	Có	10.6
8	KCN Mỹ Trung	Phường Thiên Trường	148.15	Chưa có	15	33.14	Có	800			403	2,500,000	160,000	Có	13.57
9	KCN dệt may Rạng Đông	Xã Rạng Đông	503.38	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông	1	25.38	Có	4750	5000	pH, nhiệt độ, TSS, COD, NH4+, Flow in, Flow out	274	14,600,000	3,900,000	Có	13.61
10	KCN Mỹ Thuận	Phường Mỹ Lộc, xã Hiến Khánh	158.62	Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong	3	66.72	Có	50	5000	Chưa lắp đặt vì lưu lượng ít, chưa đảm bảo để vận hành thử nghiệm	2,500	5,074,000	103,670	Có	10.22
11	KCN Bảo Minh mở rộng	Xã Liên Minh, xã Vụ Bản	45	Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh	1	89,76%	Có	Hiện đang thu gom chung với Bảo Minh	Đang xây dựng	Đang xây dựng, chưa lắp đặt	345	6,200,000	156,000	Có	10.1
12	KCN Đồng Văn I	phường Đồng Văn, phường Duy Hà	371ha/371 ha	BQL các KCN tỉnh Hà Nam; Công ty TNHH ĐT và PT KCN Plaschem Hà Nam	109/179	99%	Có	3397.00	01 trạm 5500; 01 trạm 2500; 01 trạm 1200 (khu mở rộng về phía Vực Vọng)	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	957	49,393,435	1,713,433	Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động	10.50%
13	KCN Đồng Văn II	Phường Duy Hà	322,56ha/322,56	Công ty CP phát triển Hà Nam	102/116	99.31	Có	2530.00	4000	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	13,006	182,835,180	6,362,830	Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động - Hồ sự cố 8000 m3	10.06
14	KCN Đồng Văn III	Phường Duy Hà	GD1: 131,59 ha GD 2: 168,41 ha Phía đông đường cao tốc 223	Giai đoạn I và II: Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam; Phía Đông DCT: CTCP Đầu tư bất động sản Taseco	60/100	68.69	Có	3051.00	Giai đoạn 1 +2: 4800m3/ng.đ; Phía đông đường cao tốc 3.400m3/ng.đ	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	1,468	173,106	3,039,656	Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động - Hồ sự cố 10000 m3	10.19%
15	KCN Đồng Văn IV	Phường Lê Hồ, Phường Kim Thanh, Tỉnh Ninh Bình	300/300	Tổng công ty Viglacera -CTCP	51/62	99.97	có	2,314	Hệ thống xử lý nước thải gồm 2 giai đoạn với tổng công suất: 6.000 m <sup>3</sup> /ng.đ	(các thông số: COD, TSS, Amoni, pH, Lưu lượng đầu vào, đầu ra	1,214	321,312,570	775,793	xây dựng hồ sự cố 18.000m <sup>3</sup>	13.35%

16	KCN Châu Sơn	phường Châu Sơn, phường Phú Vân và phường Lý Thường Kiệt	377/377	Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam; BQL các KCN tỉnh Hà Nam	145/164	100%	Có	2032.00	Trạm xử lý số 1 (VPID):2.900 Trạm xử lý số 2 (BQL):3000	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	2,395	24,815,807	1,345,952	Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động - Hồ sự cố của trạm số 01 (VPID): 9516 m3	11.27%
17	KCN Hòa Mạc	Phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình	131/131	Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc	38/43	93%	Có	550	1.500 m <sup>3</sup> /ng.đ	Thông số giám sát gồm: nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	614	81,505,598	344,896	Hồ sự cố dung tích 3.038 m <sup>3</sup>	12
18	KCN Thanh Liêm	xã Tân Thanh, phường Châu Sơn và xã Liêm Hà	292,99/292,99	Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam; BQL các KCN tỉnh Hà Nam	24/42	89.49	Có	1300.00	GĐ1: Trạm 2000; GĐ2 trạm 5.600	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	529	54,921,710	2,274,955	Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động; Hồ sự cố: 15.200 m3 Hồ sự cố GĐ1 (Capella): 4000m3	10%
19	KCN Thái Hà	xã Bắc Lý, xã Trần Thưng	200/200ha	Giai đoạn 1: Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp và đô thị Thái Hà Giai đoạn 2: Công ty TNHH Hợp Tiến	13/28	77.24	Có	400.00	Giai đoạn 1 trạm 2050 m3/ng; Giai đoạn 2 trạm 2150m3/ng	Nhiệt độ, NH4+, TSS, pH, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra	84	266,751	18,242	Giai đoạn 1 Đã lắp đặt trạm quan trắc tự động; Hồ sự cố: 4.185 m3. Giai đoạn 2 đang trong giai đoạn thi công hạ tầng	10.38
20	KCN Kim Bảng I	Phường Lê Hồ	230ha	Công ty TNHH ĐTXD phát triển KCN Kim Bảng	0/14	48.64	Có	Chưa hoạt động	Trạm 3000m3/ngđ	Chưa lắp đặt vì lưu lượng ít, chưa đảm bảo để vận hành thử nghiệm					